

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc phê chuẩn quyết toán thu Ngân sách nhà nước,  
chi Ngân sách địa phương năm 2011.**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ  
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ V**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 73/2003/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ ban hành Quy chế xem xét, quyết định dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 59/2003/TT- BTC ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách Nhà nước, các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ, các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp Nhà nước, các quỹ có nguồn từ ngân sách nhà nước và các quỹ có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân;

Sau khi xem xét Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2011; Báo cáo thẩm tra số 395/HĐND-BC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán thu Ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2011 tỉnh Thanh Hóa, gồm những nội dung chủ yếu sau:

## 1. Thu ngân sách nhà nước phân chia cho các cấp ngân sách

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Tổng thu NSNN	Trong đó phân chia các cấp ngân sách			
			NS Trung ương	NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	B	1=2+3+4+5	2	3	4	5
	<b>Tổng thu ngân sách địa phương (I+II+III+IV+V+VI+VII)</b>	<b>29.209.098</b>	<b>577.125</b>	<b>15.965.031</b>	<b>9.456.318</b>	<b>3.210.624</b>
I	Các khoản thu theo dự toán	15.685.074	577.125	12.936.648	1.500.930	670.371
1	Thu NSNN trên địa bàn	5.088.837	577.125	2.340.411	1.500.930	670.371
-	Thu tiền sử dụng đất	1.304.891		127.930	841.969	334.992
-	Thu nội địa	3.783.946	577.125	2.212.481	658.961	335.379
2	Thu bổ sung từ ngân sách TW	10.596.237		10.596.237		
II	Thu chuyển giao trợ cấp NSĐP	8.611.670			6.637.429	1.974.241
III	Thu tiền huy động đầu tư theo K3-Đ8 luật NSNN	130.000		130.000		
IV	Thu kết dư năm trước	610.423		64.789	307.730	237.904
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước	2.789.392		1.722.101	926.853	140.438
VI	Thu hoàn trả giữa các cấp ngân sách	12.122		10.783	745	594
VII	Các khoản thu quản lý qua NSNN	1.370.417		1.100.710	82.631	187.076

## 2. Chi ngân sách địa phương.

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Tổng chi NSĐP	Trong đó phân chia các cấp ngân sách		
			NS tỉnh	NS huyện	NS xã
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	<b>Tổng chi ngân sách địa phương (I+II+III+IV+V)</b>	<b>27.857.324</b>	<b>15.732.277</b>	<b>9.196.618</b>	<b>2.928.429</b>
I	Chi cân đối NSĐP	15.185.305	6.251.667	6.252.919	2.680.719
1	Chi đầu tư phát triển, trong đó:	5.062.278	3.001.771	1.093.343	967.164
-	Chi xây dựng cơ bản	4.926.112	2.865.605	1.093.343	967.164
-	Chi hỗ trợ DN cung ứng sản phẩm công ích	6.166	6.166		
2	Chi trả nợ theo K3-Đ8 Luật NSNN	115.258	115.258		
3	Chi thường xuyên	10.004.539	3.131.408	5.159.576	1.713.555
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	3.230	3.230		
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau	2.714.788	1.726.947	881.083	106.758
III	Chi bổ sung ngân sách cấp dưới	8.611.670	6.637.429	1.974.241	
IV	Chi hoàn trả giữa các cấp ngân sách	37.473	15.524	20.486	1.463
V	Chi từ nguồn thu quản lý qua NSNN	1.308.088	1.100.710	67.889	139.489

### 3. Chênh lệch thu - chi Ngân sách địa phương.

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Tổng số	Trong đó phân chia các cấp ngân sách		
			NS tỉnh	NS huyện	NS xã
I	Tổng thu NSDP	28.631.973	15.965.031	9.456.318	3.210.624
II	Tổng chi NSDP	27.857.324	15.732.277	9.196.618	2.928.429
III	<b>Chênh lệch thu – chi (I-II)</b>	<b>774.649</b>	<b>232.754</b>	<b>259.700</b>	<b>282.195</b>

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này tổ chức thực hiện công khai quyết toán đúng quy định.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Khoá XVI, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2012./.*

**Nơi nhận:**

- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND; UBND tỉnh;
- Đại biểu QH, đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- MTTQ tỉnh và các Đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP Tỉnh ủy, VP HĐND, VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CT HĐND.

**CHỦ TỊCH**



*(Handwritten signature)*

**Mai Văn Ninh**